

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 811/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Trầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2020/TB-TLVA ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp PL, xã BKD, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Gia H1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp Ng, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 11 tháng 8 năm 2020 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Gia H1 tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Trường Th, sinh ngày 04/01/2020, không có tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do chị và anh H1 không hợp ý nhau, thường xuyên cãi vã, tính ý anh H1 gia trưởng tự làm theo ý mình nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

* Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Gia H1 trình bày: Anh và chị H chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H cho rằng anh không phụ chị H chăm sóc cho con và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh nhiều lần đến rước vợ con về chung sống nhưng chị H không chịu về. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con. Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trường Th sinh ngày 04/01/2020, hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay, nếu Tòa án buộc ly hôn thì anh đồng ý để chị H nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Gia H1 có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Gia H1 tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 20/11/2018. Như vậy, chị H và anh H1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Gia H1 là hợp pháp.

[3.1.2] Chị H cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2020 nguyên nhân do anh chị không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, anh H1 tính tình gia trưởng thích làm theo ý mình, chị H đưa con về nhà cha mẹ ruột sống và sống ly thân với anh H1 từ đó cho đến nay nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Anh H1 thừa nhận anh và chị H phát sinh mâu thuẫn cãi vã và sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H cho rằng anh H1 không phụ chăm sóc con, trong thời gian sống ly thân, anh H1 đã nhiều lần đến rước vợ con về mong hàn gắn hạnh phúc nhưng chị H không về. Tuy nhiên, vì còn thương vợ, thương con nên anh H1 không đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị H và anh H1 không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay anh H1 không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3.2] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Gia H1 chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trường Th sinh ngày 04/01/2020. Hiện chị H đang nuôi dưỡng cháu Th, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Anh H1 đồng ý giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian chị H và anh H1 sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con, cháu Th hiện chưa tròn 12 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu Th, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị H là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con, anh H1 cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị H và anh H1 không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Gia H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường Th sinh ngày 04/01/2020 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Gia H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Gia H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Bùi Thị H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003292 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc